BẢN ĐỒ PHƯƠNG ÁN TỔ CHỨC THỰC HIỆN VIỆC HẠN CHẾ KHAI THÁC NƯỚC DƯỚI ĐẤT

THỊ XÃ DUYÊN HẢI, TỈNH TRÀ VINH

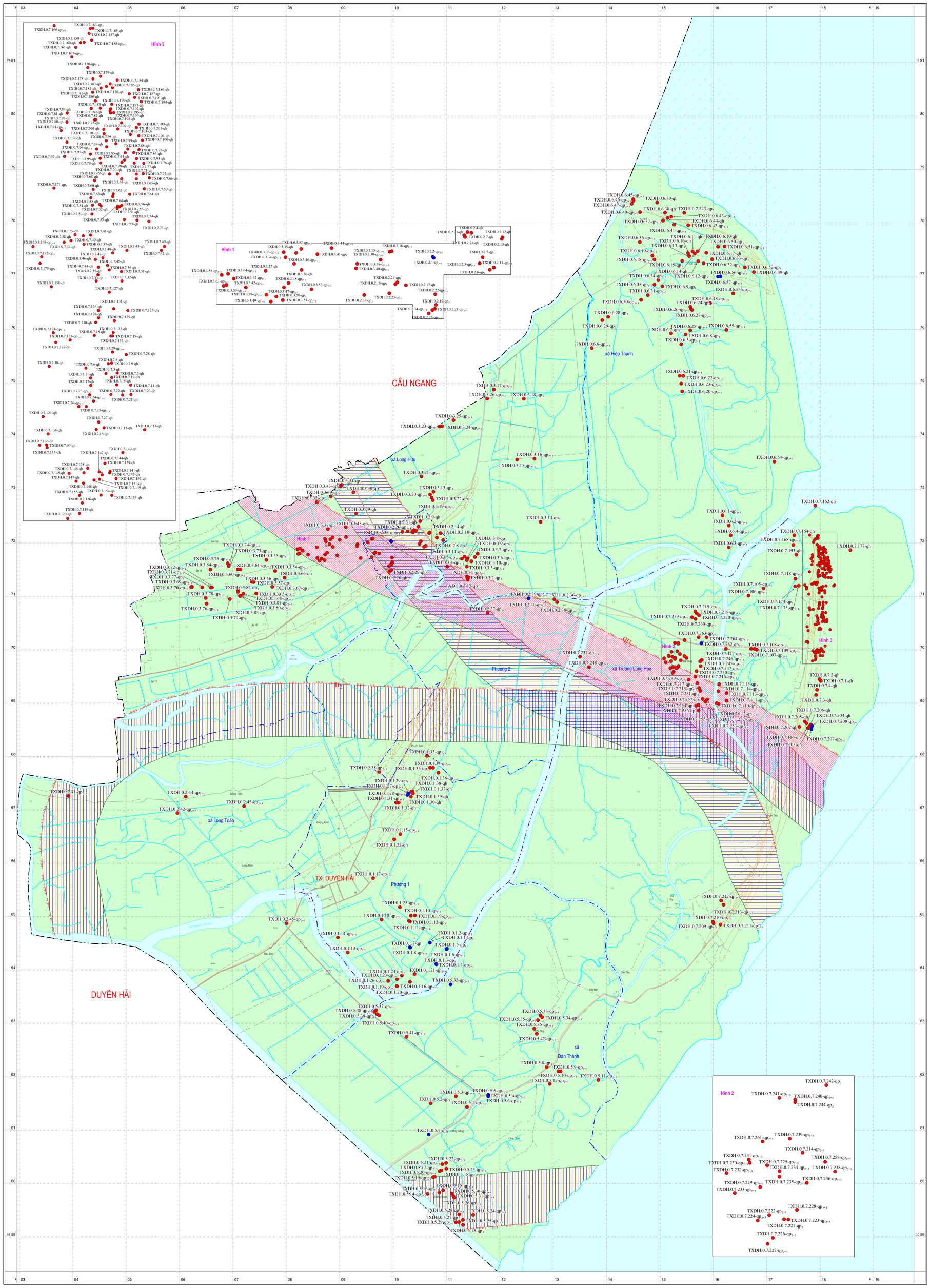

CHỈ DẪN

I - VÙNG HẠN CHẾ KHAI THÁC NƯỚC DƯỚI ĐẤT ĐÃ ĐƯỢC CÔNG BỐ

Vùng hạn chế	Khu vực hạn chế	Ký hiệu	Đặc điểm, phạm vi hạn chế
Vùng hạn chế 1	Khu vực liên kế ranh mặn (tầng chứa nước Holocen)		Khu vực có nguy cơ xâm nhập mặn của các tầng chứa nước là vùng liền kề với khu vực bị nhiễm mặn có hàm lượng tổng chất rắn hòa tan từ 1.500mg/l trở lên
	Khu vực liên kế ranh mặn (tầng chứa nước Pleistocen trên)		
	Khu vực liên kế ranh mặn (tầng chứa nước Pleistocen giữa - trên)		
	Khu vực liên kế ranh mặn (tầng chứa nước Pleistocen dưới)		
	Khu vực liên kế ranh mặn (tầng chứa nước Pliocen giữa)		
	Khu vực liên kế ranh mặn (tầng chứa nước Pliocen dưới)		
	Khu vực liên kế ranh mặn (tầng chứa nước Miocen trên)		

Vùng có ít nhất 1 tầng chứa nước nhạt không phải hạn chế khai thác

Vùng có tất cả các tầng chứa nước mặn (không đánh giá)

II - CÔNG TRÌNH KHAI THÁC:

II.1 - Công trình không thuộc vùng hạn chế khai thác:

1 - Công trình/Giếng khai thác đã được cấp phép:

SH-TCN — SH: Số hiệu điểm điều tra; TCN: Tầng chứa nước khai thác

2 - Công trình/Giếng khai thác chưa được cấp phép:

SH-TCN — SH: Số hiệu điểm điều tra; TCN: Tầng chứa nước khai thác

II.2 - Công trình thuộc vùng hạn chế khai thác:

1 - Công trình/Giếng khai thác đã được cấp phép và thuộc vùng hạn chế:

SH-TCN — SH: Số hiệu điểm điều tra; TCN: Tầng chứa nước khai thác

2 - Công trình/Giếng khai thác chưa được cấp phép và thuộc vùng hạn chế:

SH-TCN — SH: Số hiệu điểm điều tra; TCN: Tầng chứa nước khai thác

Trích lược vị trí các công trình tại khu vực có mật độ công trình dày:

Hình 1 — Vị trí gốc; Hình 1 — Vị trí trích lược (phi tỷ lệ)

III- CÁC ĐƯỜNG RANH GIỚI

Ranh giới mặn 1,5g/l của các tầng chứa nước (nét gạch chỉ phía nước mặn):

- $-qp_1$ — Tầng chứa nước Pleistocen dưới
- $-n_2^2$ — Tầng chứa nước Pliocen giữa
- $-n_2^1$ — Tầng chứa nước Pliocen dưới

Ranh giới các vùng/ khu vực hạn chế khai thác nước dưới đất

IV - CÁC KÝ HIỆU KHÁC

- Địa giới xã/ phường/ TT
- Địa giới huyện/ thị xã/ thành phố
- Địa giới tỉnh
- Đường nhựa
- Đường rải gạch đá
- Đường đất lớn
- Sông, suối
- Đường đồng mức địa hình và giá trị (m)
- Điểm độ cao và giá trị (m)

TỶ LỆ 1:25.000

1cm trên bản đồ bằng 250m ngoài thực tế

250 0m 250 500 750 1000

Hệ tọa độ VN-2000, kinh tuyến trục 105° 30', múi 3°

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH	SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH TRÀ VINH	TRUNG TÂM QUY HOẠCH VÀ ĐIỀU TRA TÀI NGUYÊN NƯỚC QUỐC GIA LIÊN ĐOÀN QUY HOẠCH VÀ ĐIỀU TRA TÀI NGUYÊN NƯỚC MIỀN NAM		
		Bản vẽ số:	Tỷ lệ 1: 25.000	Năm 2024
		Tên bản vẽ:	Bản đồ phương án tổ chức thực hiện việc hạn chế khai thác nước dưới đất, TX. Duyên Hải	
		Người thành lập		CN. Nguyễn Văn Quí
		Người kiểm tra		ThS. Ngô Văn Đạt
		Liên đoàn trưởng		